

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2021

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hoa;
2. Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1194/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15-3-2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đỗ Hoàng G, sinh năm 1985; nơi cư trú: khu phố L, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2020, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Đỗ Hoàng G tự nguyện tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông G không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên lớn tiếng cãi nhau, nhiều lần vợ chồng cùng gia đình hòa giải, động viên để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà T đã nhiều lần nộp đơn lên Tòa án yêu cầu để giải quyết ly hôn, tuy nhiên được sự động viên của Tòa án bà T đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ, nhưng sau đó vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói

chung, vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông G.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản sao: Giấy chứng minh nhân dân; sổ hộ khẩu hộ khẩu; Bản chính giấy đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc “Ly hôn”.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Đỗ Hoàng G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T và bị đơn ông Nguyễn Đỗ Hoàng G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65/2019 ngày 29/8/2019 nên hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo bà T trình bày thì sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông G không có trách nhiệm, vô tâm với vợ, dẫn đến vợ chồng hay lớn tiếng cãi nhau. Vào tháng 8 năm 2020, bà T nộp đơn xin ly hôn, tuy nhiên vì muốn vợ chồng có cơ hội khắc phục, hàn gắn nên bà T rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 239/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 nhưng bà T và ông G vẫn không thể hàn gắn, xây dựng gia đình hạnh phúc. Bà T và ông G sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng ông G không đến Tòa án làm việc, tham gia các buổi hòa giải, tham gia phiên tòa để Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện ông G không có thiện chí xây dựng gia đình. Hơn nữa, từ khi ly thân, ông G không đến thăm hỏi vợ, hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông G không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, bền vững, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc xin ly hôn với ông G.

Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông G không có con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông G.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 70; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; các Điều 266, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc “Ly hôn” với ông Nguyễn Đỗ Hoàng G.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Đỗ Hoàng G.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0047500 ngày 19-10- 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- THADS thành phố Thuận An;
- Dương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Thi